TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2021/HNGĐ-ST
Ngày 17/9/2021
"V/v *ly hôn giữa anh Qu-Chị Q*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Minh Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Tụ;

2. Bà Nguyễn Thị Đoan.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hiền- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 139/2021/TLST–HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2021/QĐHPT-ST ngày 06/9/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Nhật Qu, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn X, xã A, huyện Q1, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Chị Bùi Thị Q, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn B, xã Th, huyện Q1, tỉnh Thái Bình.

(*Tại phiên tòa có mặt anh Qu, vắng mặt Chị Q*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng biên bản tự khai nguyên đơn là anh Nguyễn Nhật Qu trình bày: anh và chị Bùi Thị Q tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Avào ngày 08/5/2020. Quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống đã dẫn đến phát sinh mâu

thuẫn. Tháng 8/2020 mâu thuẫn căng thẳng, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị xin được ly hôn Chị Q.

-Về con chung: Anh Qu khai anh và Chị Q không có con chung.

-Về tài sản chung: Anh Qu khai vợ chồng không có tài sản chung, vợ chồng không có nợ chung và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đối với bị đơn là chị Bùi Thị Q trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và tống đạt hợp lệ mọi văn bản tố tụng cần thiết cho Chị Q biết đến Tòa án giải quyết vụ kiện, nhưng Chị Q vắng mặt, không đến Tòa án giải quyết việc ly hôn, vì vậy Tòa án không ghi được lời khai của Chị Q và không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa lần 1 và lần 2 Chị Q vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Hồ sơ vụ án từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đã lập và thu thập đầy đủ các tài liệu và chứng cứ, tuân thủ đúng trình tự luật định. Tại phiên tòa việc xét xử vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự pháp luật. Đối với nguyên đơn trong các giai đoạn tố tụng và tại phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đối với bị đơn vắng mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa, vì vậy đại diện Viện kiểm sát không đưa ra ý kiến về việc chấp hành pháp luật của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Qu được ly hôn Chị Q. Về con chung: Anh Qu và Chị Q không có con chung. Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết. Anh Qu phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Bị đơn có nơi cư trú tại Thôn B, xã Th, huyện Q1, tỉnh Thái Bình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]Bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]Về hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Nhật Qu và chị Bùi Thị Q được xác lập trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Avào ngày 08/5/2020 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn giữa anh Qu và Chị Q bất đồng quan điểm sống đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Tháng 8/2020 hai bên đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh Qu làm đơn khởi kiện đề nghị xin được ly hôn Chị Q. Còn đối với Chị Q quá trình giải quyết vụ kiện, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ để Chị Q biết đến Tòa án tham gia hòa giải, vợ chồng có cơ hội gặp gỡ trở về đoàn tụ, nhưng Chị Q vẫn vắng mặt. Như vậy Chị Q không có thiện chí hòa giải mối quan hệ hôn nhân giữa chị và anh Qu. Qua xác

minh lời khai thân nhân của Chị Q là ông Bùi Quang D(*chú ruột chị Q*) và cán bộ Tư pháp xã Th đều xác nhận hiện chị Q đi làm tại tỉnh Hải Dương, nhưng vẫn thường xuyên đi về nhà tại thôn B, xã Th. Chị Q đã biết việc anh Qu làm đơn xin ly hôn và đã nhận các giấy tờ của Tòa án. Quan điểm của thân nhân Chị Q và cán bộ Tư pháp xã Th đều đề nghị giải quyết yêu cầu ly hôn của anh Qu theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa anh Qu vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghi xin được ly hôn, điều đó chứng tỏ cuộc sống tình, cảm vợ chồng giữa anh Qu và Chị Q đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần căn cứ vào Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh Qu được ly hôn Chị Q là có căn cứ.

[3]Về con chung: Anh Qu và Chị Q không có con chung.

[4]Về tài sản chung: Anh Qu không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy phần tài sản Tòa án không xét.

[5]Về án phí và lệ phí tòa án: Anh Qu phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]Về quyền kháng cáo: Anh Qu và Chị Q có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Nhật Qu được ly hôn chị Bùi Thị Q.

2/Về con chung: Anh Qu và chị Q không có con chung.

3/Về tài sản chung: Anh Qu không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/Về án phí: Anh Qu phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền anh Qu đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004421 ngày 21/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ thành tiền án phí.

5/Về quyền kháng cáo: Anh Qu có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Chị Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Thái Bình.
-TAND tỉnh Thái Bình.
-VKSND huyện Quỳnh Phụ.
-Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ.
-UBND xã A.
-Người tham gia tố tụng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

NGUYỄN MINH ĐỨC